

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2023

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trường Huân;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1991; cư trú: Tổ 03, khóm H, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm 1994; cư trú: Tổ 17, ấp N, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà H có mặt; ông C vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do mai mối được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2020.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông C phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, nhiều lần gia đình đã khuyên ngăn nhưng ông C không đồng ý tiếp tục chung sống với bà nên đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình hai bên để cho ông bà tự quyết định, ông C hiện nay sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác nên có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông C. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông C theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà H, ông C để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xã V xác định ông Phan Văn C sinh ngày 19/5/1994 hiện cư trú tổ 52, ấp N, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Trương Thị G – mẹ ruột của bà H cho biết hôn nhân giữa bà H và ông C đúng như lời trình bày của bà H. Sau khi kết hôn vợ chồng ông C và bà H cùng nhau đi làm xa, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2022, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác. Lúc đầu gia đình cùng bà H có khuyên ngăn, giải thích để ông C quay lại nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng ông bà lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 6/2022, ông bà xảy ra tranh cãi và sống ly thân nhau, bà H về sống với gia đình, hai bên gia đình cũng có nói chuyện nhưng không giải quyết được. Nay bà nghe nghe thông tin ông C hiện đang sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, còn đăng hình lên mạng

thách thức gia đình bà. Lúc đầu bà còn la ép, để bà H cho ông C thời gian hàn gắn tình cảm nhưng bà H xác định không thể quay về chung sống nên bà để bà H tự quyết định, không can thiệp. Ngoài ra ông bà không có con chung, tài sản chung hay nợ chung.

Tại phiên tòa, bà H bảo lưu ý kiến, riêng ông C đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà H chung sống với ông C đến năm 2021 thì không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông C hiện có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà H và ông C xây dựng gia đình dựa trên sự mai mối của gia đình hai bên, tự nguyện tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 12/3/2020 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông C. Tại hòa giải, bà H yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà H vẫn thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân từ năm

2021 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, bà H và gia đình nhiều lần tìm cách liên hệ để hàn gắn nhưng không có kết quả.

Bà H cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông C phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, nhiều lần gia đình đã khuyên ngăn nhưng ông C không đồng ý tiếp tục chung sống với bà. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Trương Thị G là mẹ ruột của bà H. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Phan Văn C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 12/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã V mang tên bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Phan Văn C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008366 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà H đã nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân